

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HOÁ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 122/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/12/2023

V/v: Tranh chấp ly hôn
và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Thái Dìn và bà Nguyễn Thị Tiếp

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền – Thư ký TAND huyện Cẩm Thủy.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Dương– Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXX-ST, ngày 12 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trương Thị T** năm 1997.

HKTT: **Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.**

Nơi ở hiện nay: **Thôn Q, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.** Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Cao Xuân H** năm 1993

Trú tại: **Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.** Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2023, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Trương Thị T1** trình bày: Chị và anh **H1** tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã C, huyện C**. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị và anh không thể hòa hợp, không chung sống với nhau được nữa, đã ly thân từ tháng 02/2020, nên chị xin được ly hôn với anh **H1**.

Bị đơn anh **Cao Xuân H2** trình bày: Anh và chị **T1** tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại **UBND xã C, huyện C**. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với gia đình bố

mẹ anh H2, cuộc sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhưng chị T1 đã về nhà bố mẹ đẻ để sống. Nay chị T1 làm đơn ly hôn, bản thân anh cũng mong muốn vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái. Nhưng chị T1 cương quyết xin ly hôn thì anh phải đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Cao Xuân H3, sinh ngày 09/02/2016 và Cao Thị Trà M, sinh ngày 30/7/2019. Anh H2 có nguyện vọng được nuôi cả 02 con, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay các con đang ở với anh H2, anh có nguyện vọng nuôi con chị T1 đồng ý.

Về tài sản: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, điều 56, điều 57, điều 58, điều 81, 82 và 83 - Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Trương Thị T1 ly hôn anh Cao Xuân H2.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Cao Xuân H3, sinh ngày 09/02/2016 và Cao Thị Trà M, sinh ngày 30/7/2019. Giao cả 02 cháu Cao Xuân H3 và Cao Thị Trà M cho anh H2 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ tuổi thành niên. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh H2 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ chung: Các bên không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Chị T1 phải chịu 300.000đ án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Trương Thị T1 làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn anh Cao Xuân H2 trú tại: Thôn T, xã C, huyện C, Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Anh **Cao Xuân H2** vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt anh theo quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật TTDS.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Chị **T1** và anh **H2** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã C** nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống, giữa chị **T1** và anh **H2** phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh không hòa hợp, không chung sống với nhau được nữa. Chị làm đơn xin ly hôn, anh **H2** đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu của chị **T1** là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại điều 51 và điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là là **Cao Xuân H3**, sinh ngày 09/02/2016 và **Cao Thị Trà M**, sinh ngày 30/7/2019. Giao cả 02 cháu **Cao Xuân H3** và **Cao Thị Trà M** cho anh **H2** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ tuổi thành niên. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh **H2** không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên không xem xét

[5] Về án phí: Chị **T1** phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 51, điều 56, điều 57, điều 58, điều 81, 82, 83 và 84 - Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 5 điều 177, khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 và điều 273 Bộ luật TTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xử cho chị **Trương Thị T1** được ly hôn anh **Cao Xuân H2**.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là là **Cao Xuân H3**, sinh ngày 09/02/2016 và **Cao Thị Trà M**, sinh ngày 30/7/2019. Giao cả 02 cháu **Cao Xuân H3** và **Cao Thị Trà M** cho anh **H2** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ tuổi thành niên. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh **H2** không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Chị **T1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản

trở. Vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu, nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị **T1** phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0010542, ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy. Chị **T1** đã nộp đủ án phí DSST.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Cẩm Thủy.
- TAND tỉnh Thanh Hoá.
- **Chi cục THADS huyện C.**
- **UBND xã C.**
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Ánh Tuyết

Hội thẩm nhân dân	HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM	Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
--------------------------	--------------------------------	--------------------------------------

Vũ Thị Ánh T2

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Cẩm thủy.
- TAND tỉnh Thanh hoá.
- Chi cục THADS huyện Cẩm thủy.
- UBND xã Cẩm Ngọc.
- UBND xã Triệu Thành.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Vũ Thị Ánh Tuyết

